

**Bản án số: 152/2017/HSST**

**Ngày: 02 - 8 - 2017**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rục

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Trần Đình Hùng.

. Ông Ngô Tiến Thành.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Phương Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2017/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Võ Nhật T** - sinh năm 1994 tại thành phố N, Khánh Hòa; trú tại: 53B đường A, phường VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Đức T- sinh năm 1973 và bà Võ Thị L- sinh năm 1972; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2016 đến ngày 25/11/2016, ngày 25/11/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Võ Tấn T** - sinh năm 1982 tại thành phố N, Khánh Hòa; trú tại: 165 đường A1, phường VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Võ Tấn H- sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1961; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2016 đến ngày 25/11/2016, ngày 25/11/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Lê Thị Ánh L- sinh năm 1973; trú tại: Thôn LS, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Trần Giang S- sinh năm 1977; trú tại: Tổ 3 khóm M, phường NH, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Đoàn Văn S- sinh năm 1972; trú tại: Hẻm 18 tổ 12 khóm M1, phường VH, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Bùi Thị Y- sinh năm 1954; trú tại: 187 đường A4, phường TL, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Hồ Thị T- sinh năm 1991; trú tại: Tổ 15 thôn NS, phường NH, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Phạm Thị L- sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn KT, xã SC, huyện C, Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Hoàng Đức Vũ; trú tại: 70 đường X, phường VP, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

## NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền mua ma túy sử dụng, Nguyễn Võ Nhật T rủ Võ Tấn T đi trộm cắp tài sản. Nhật T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79L9-7547 chở Tấn T đi tìm người sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/11/2016, khi đến bãi đất trống phía trước cây xăng VH- số 202 đường X, phường VH, Tp.N, Nhật T và Tấn T phát hiện chị Lê Thị Ánh L đang bán quần áo cho khách, bên hông có để 01 túi nilon màu đen bên trong có 17 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 02 chỉ/chiếc), 01 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 01 chỉ/chiếc), 01 dây chuyền vàng 61% dạng bi, 01 dây chuyền vàng 61% dạng cong, 01 dây chuyền vàng 61% dạng vuông, 01 vòng đeo tay hình tròn bằng vàng 61% có gắn đá hột màu trắng. Nhật T dùng xe đứng cạnh giới thiệu Tấn T đi bộ đến chờ cơ hội. Lợi dụng lúc chị L không chú ý, Tấn T đã trộm túi nilon màu đen trên rồi đi ra xe để Nhật T chở đi. Khi đến chân Cầu B thì cả hai dùng xe lục túi nilon lấy số vàng trên. Tấn T được chia 08 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc, Nhật T được chia 09 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc và 01 nhẫn vàng loại 01 chỉ/chiếc và 01 vòng đeo tay. Đối với 03 sợi dây chuyền thì Nhật T và Tấn T cùng nhau đi cầm thế lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, cụ thể: Ngày 11/11/2016 Nhật T và Tấn T đem sợi dây chuyền vàng 61% dạng vuông đến tiệm cầm đồ Y tại 187 đường A4, thành phố N cầm thế cho bà Bùi Thị Y được 1.500.000đ. Ngày 13/11/2016 Nhật T và Tấn T đem sợi dây chuyền vàng 61% dạng bi đến tiệm cầm đồ GS tại 292 đường A5, phường NH, thành phố H cầm thế cho anh Trần Giang S được 3.000.000đ. Ngày 16/11/2016 Nhật T và Tấn T đem sợi dây chuyền vàng 61% dạng cong đến tiệm cầm đồ TP tại 70 đường A6, phường PL, thành phố N cầm thế cho anh Đoàn Văn S được 2.500.000đ. Ngoài ra, Nhật T đem 02 nhẫn vàng (01 nhẫn loại 02 chỉ và 01 nhẫn loại 01 chỉ) cho Hồ Thị T. Hồ Thị T làm rơi 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ, còn 01 nhẫn vàng loại 01 chỉ thì Hồ Thị T đem cầm thế cho một phụ nữ tên Th (không rõ lai lịch) lấy tiền tiêu xài hết.

Sau đó Nhật T đem 02 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc bán tại tiệm vàng TL (đường TB, thành phố N) được hơn 12 triệu đồng để tiêu xài.

Ngày 16/11/2016, Nhật T dùng 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc và 3.300.000đ mua 01 điện thoại Iphone 6 plus của anh Huỳnh Ngọc T tại 97 đường TB, phường VT, thành phố N để sử dụng. Sau đó Hồ Thị T đến mượn tiền thì Nhật T đưa cho Hồ Thị T đem bán 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ lấy 6.270.000đ tại tiệm vàng VT, Hồ Thị T mượn Nhật T năm triệu đồng, số tiền còn lại Hồ Thị T đưa cho Nhật T. Quá trình sử dụng số vàng trộm cắp, Nhật T đã làm thất lạc 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc. Số vàng còn lại Nhật T cất trong cốp xe máy của mình.

Khoảng 04 giờ ngày 18/11/2016, Nhật T dùng xe máy (BKS 79L9-7547) đẩy xe chở giàn giáo của Trần Trọng B đến khu vực TX để tiêu thụ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ giao cho công an phường PS, thành phố N xử lý. Thu giữ trong xe và người của Nhật T 03 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc, 01 vòng đeo tay bằng vàng và 01 điện thoại Iphone 6 plus.

Tiến hành dẫn giải Nhật T đi xác định nhà đối tượng Tấn T và đưa Tấn T về cơ quan Công an làm việc. Thu giữ tại tủ đồ trong phòng khách nhà Tấn T cơ quan công an thu giữ 08 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc.

Tại biên bản định giá tài sản số 412/TCKH ngày 22/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố N kết luận:

17 nhẫn vàng 96% trọng lượng 02 chỉ/chiếc thành tiền: 109.310.000đ.

01 nhẫn vàng 96% trọng lượng 01 chỉ/chiếc thành tiền: 3.215.000đ.

01 dây chuyền vàng 61% dạng bi thành tiền: 8.673.000đ.

01 dây chuyền vàng 61% dạng cong thành tiền: 3.969.000đ.

01 dây chuyền vàng 61% dạng vuông thành tiền: 2.583.000đ.

01 vòng đeo tay hình tròn bằng vàng 61% có gắn đá hột màu trắng thành tiền: 6.153.000đ.

Tổng cộng: 133.903.000đ (một trăm ba mươi ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa để xét xử Nguyễn Võ Nhật T và Võ Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY**

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/11/2016 tại bãi đất trống phía trước cây xăng VH- số 202 đường X, phường VH, thành phố N, Nguyễn Võ Nhật T và Võ Tấn T đã có hành vi trộm cắp của bà Lê Thị Ánh L một túi nilon màu đen bên trong có 17 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 02 chỉ/chiếc), 01 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 01 chỉ/chiếc), 01 dây chuyền vàng 61% dạng bi, 01 dây chuyền vàng 61% dạng cong, 01 dây chuyền vàng 61% dạng vuông, 01 vòng đeo tay hình tròn bằng vàng 61% có gắn đá hột màu trắng với tổng giá trị là 133.903.000đ (một trăm ba mươi ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, bản Cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa truy tố Nguyễn Võ Nhật T và Võ Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất ổn định trật tự xã hội ở địa phương.

Về vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo, nhận thấy: Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T đều là người thực hành tích cực trong quá trình thực hiện tội phạm. Nguyễn Võ Nhật T đã sử dụng, tiêu xài phần lớn tài sản trộm cắp được chia, khiến việc thu hồi tài sản trả lại người bị hại gặp khó khăn. Võ Tấn T tuy không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu: Bản án số 52/HSST ngày 26/6/2002 của Tòa án nhân dân huyện LK, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/12/2002; bản án số 120/HSST ngày 20/5/2009 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2011; ngày 10/4/2006 Chủ tịch UBND thành phố N có quyết định số 884/QĐ-CT-UBND áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24

tháng vì hành vi nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 11/4/2008. Vì vậy phải xử lý nghiêm minh, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Tấn T, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tấn T.

Hồ Thị T không biết tài sản do Nguyễn Võ Nhật T phạm tội mà có nên không có căn cứ để khởi tố.

Đối với hành vi Nguyễn Võ Nhật T dùng xe máy BKS 79L9-7547 đẩy xe chở dàn giáo của Trần Trọng B đến khu vực TX, thành phố N để tiêu thụ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ giao cho Công an phường PS, thành phố N xử lý, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đang điều tra xử lý trong một vụ án khác.

Xe máy hiệu Yamaha BKS 79L9- 7547, tên chủ xe là bà Phạm Thị L nhưng bà L khai đã bán xe này cho cửa hàng mua bán trao đổi xe gắn máy ĐV và bà L không có yêu cầu gì nên Tòa không xét. Anh Hoàng Đức V- chủ cửa hàng ĐV xác định đã bán xe 79L9-7547 cho Nguyễn Võ Nhật T với giá 9.200.000đ nhưng không làm thủ tục sang tên và cũng không có yêu cầu gì đối với chiếc xe này nên không xét. Như vậy xác định xe máy BKS 79L9- 7547 là xe của Nguyễn Võ Nhật T, Nhật T dùng xe này chở Tấn T đi trộm cắp, đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà Lê Thị Ánh L bị các bị cáo trộm cắp 17 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 02 chỉ/chiếc), 01 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 01 chỉ/chiếc), 01 dây chuyền vàng 61% dạng bi, 01 dây chuyền vàng 61% dạng cong, 01 dây chuyền vàng 61% dạng vuông, 01 vòng đeo tay hình tròn bằng vàng 61% có gắn đá hột màu trắng. Bà Ánh L đã nhận lại 11 nhẫn vàng 96% (trọng lượng 02 chỉ/chiếc), 01 dây chuyền vàng 61% dạng bi, 01 dây chuyền vàng 61% dạng cong, 01 dây chuyền vàng 61% dạng vuông, 01 vòng đeo tay hình tròn bằng vàng 61% có gắn đá hột màu trắng và nhận thêm tài sản thu từ Nguyễn Võ Nhật T: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus và 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Ánh L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bà 08 (tám) chỉ vàng 96% còn thiếu và đồng ý với giá Hội đồng định giá xác định là 3.215.000đ/chỉ. Số 08 chỉ vàng bà Ánh L yêu cầu bồi thường là số vàng bị cáo Nhật T được chia sau khi trộm cắp và Nhật T đã tiêu xài. Tại phiên tòa bà Ánh L yêu cầu riêng bị cáo Nguyễn Võ Nhật T phải bồi thường cho bà 08 chỉ vàng và bị cáo Nhật T cũng đồng ý bồi thường cho bà Ánh L 08 chỉ vàng quy thành tiền, đây là sự tự nguyện của hai bên nên ghi nhận. Do vậy buộc bị cáo Nguyễn Võ Nhật T bồi thường cho bà Lê Thị Ánh L 08 chỉ vàng 96% tương đương số tiền là 25.720.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Đối với 01 sợi dây chuyền vàng 61% dạng vuông trộm cắp của bà Ánh L, các bị cáo đem cầm thế tại tiệm cầm đồ Y tại 187 đường A4, thành phố N do bà Bùi Thị Y làm chủ được 1.500.000đ và cùng nhau tiêu xài. Sợi dây chuyền này bà Y đã giao nộp cơ quan công an để trả cho người bị hại. Bà Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày tại cơ quan điều tra là yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà 1.500.000đ. Nhận thấy bà Y không biết sợi dây chuyền nhận cầm thế là do các bị cáo phạm tội mà có nên yêu cầu của bà Y là chính đáng. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bà Y 1.500.000đ. Do vậy buộc các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T phải liên đới bồi thường cho bà Bùi Thị Y số tiền là 1.500.000đ, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Yên 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Đối với 01 sợi dây chuyền vàng 61% dạng bi trộm cắp của bà Ánh L, các bị cáo đem cầm thế tại tiệm cầm đồ GS tại 292 đường A5, phường NH, thành phố N do anh Trần Giang S làm chủ được 3.000.000đ và cùng nhau tiêu xài. Sợi dây chuyền này anh S đã giao nộp cơ quan công an để trả cho người bị hại. Anh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày tại cơ quan điều tra là yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh 3.000.000đ. Nhận thấy anh S không biết sợi dây chuyền nhận cầm thế là do các bị cáo phạm tội mà có nên yêu cầu của anh S là chính đáng. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh S 3.000.000đ. Do vậy buộc các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T phải liên đới bồi thường cho anh Trần Giang S số tiền là 3.000.000đ, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Giang S 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Đối với 01 sợi dây chuyền vàng 61% dạng cong trộm cắp của bà Ánh L, các bị cáo đem cầm thế tại tiệm cầm đồ TP tại 70 đường A6, phường PL, thành phố N do ông Đoàn Văn S làm chủ được 2.500.000đ và cùng nhau tiêu xài. Sợi dây chuyền này ông S đã giao nộp cơ quan công an để trả cho người bị hại. Ông S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày tại cơ quan điều tra là yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông 2.500.000đ. Nhận thấy ông S không biết sợi dây chuyền nhận cầm thế là do các bị cáo phạm tội mà có nên yêu cầu của ông S là chính đáng. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho ông S 2.500.000đ. Do vậy buộc các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T phải liên đới bồi thường cho ông Đoàn Văn S số tiền là 2.500.000đ, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đoàn Văn S 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Đối với 03 nhẫn vàng trộm cắp, bị cáo Nhật T đưa cho Hồ Thị T, Hồ Thị T không biết là tài sản do trộm cắp mà có, sau đó Hồ Thị T làm mất 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc, thế 01 nhẫn vàng loại 01 chỉ/chiếc cho người phụ nữ tên Th không rõ lai lịch, 01 nhẫn vàng loại 02 chỉ/chiếc Hồ Thị T bán được hơn 06 triệu đồng, Hồ Thị T mượn Nhật T 05 triệu đồng, số còn dư đưa lại cho Nhật T. Tại phiên tòa Nhật T xác định đã tự nguyện cho Hồ Thị T cả 03 nhẫn vàng nói trên, Nhật T đồng ý bồi thường cho người bị hại, không yêu cầu Hồ Thị T hoàn trả. Mặt khác theo xác minh thì Hồ Thị T hiện không có mặt tại địa phương. Do vậy Tòa không xem xét yêu cầu bồi hoàn 03 nhẫn

vàng này giữa bị cáo Nhật T và chị Hồ Thị T. Nếu sau này bị cáo Nhật T có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về vật chứng vụ án : Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe máy hiệu Yamaha BKS 79L9- 7547.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Võ Nhật T, Võ Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Võ Nhật T.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Tấn T.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Nhật T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, thời hạn bị tạm giữ từ ngày 19/11/2016 đến ngày 25/11/2016 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Võ Tấn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, thời hạn bị tạm giữ từ ngày 19/11/2016 đến ngày 25/11/2016 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự, buộc:

+ Bị cáo Nguyễn Võ Nhật T phải bồi thường cho bà Lê Thị Ánh L 25.720.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng); bồi thường cho bà Bùi Thị Y 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho anh Trần Giang S 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường cho ông Đoàn Văn S 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bị cáo Võ Tấn T phải bồi thường cho bà Bùi Thị Y 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho anh Trần Giang S 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường cho ông Đoàn Văn S 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

*Quy định:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe máy hiệu Yamaha BKS 79L9- 7547.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N ngày 29 tháng 6 năm 2017).

- Về án phí:

+ Bị cáo Nguyễn Võ Nhật T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.461.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng).

+ Bị cáo Võ Tấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo của các bị cáo, của bà Lê Thị Ánh L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- . Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- . Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
- . Công an Tp.N;
- . Thi hành án dân sự Tp.N;
- . Bị cáo; đương sự;
- . Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trọng Rực**